

Số: 185 /QĐ-THCS&THPT QL

Hạ Long, ngày 30 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai năm học 2024-2025
theo Thông tư số 09/2024/TT- BGDDT

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGD&ĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ GD&ĐT Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện nhiệm vụ năm học 2024 - 2025 của trường THCS&THPT Quảng La;

Căn cứ Quy chế dân chủ cơ sở từ học 2024-2025 của trường THCS&THPT Quảng La.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai các nội dung theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, năm học 2024-2025 (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Hình thức và thời điểm công khai được thực hiện theo Điều 8 của thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024.

Điều 3. Các ông (bà) phụ trách kế toán, cán bộ, giáo viên nhân viên và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 1(t/h);
- Lưu VT.



Lê Thị Kim Thu



Hạ Long, ngày 30 tháng 10 năm 2024

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chung của trường THCS&THPT Quảng La năm học 2024 – 2025 theo Điều 4, Chương II - Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT
(Kèm theo Quyết định số 185/QĐ-THCS&THPTQL ngày 30 /10/2024 của trường THCS&THPT Quảng La)

1. Tên trường: Trường THCS&THPT Quảng La

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

- Địa chỉ tại: Thôn 5, xã Quảng La – thành phố Hạ Long – tỉnh Quảng Ninh.

- Số điện thoại liên lạc: 02033.858.993

+ Hiệu trưởng: Bà Lê Thị Kim Thu, số điện thoại 0936.488.198

+ Phó Hiệu trưởng: Ông Nguyễn Hải Long, số điện thoại 0915.826.088

+ Phó Hiệu trưởng: Ông Vũ Trung Tuyền, số điện thoại 0984.559.480

- Địa chỉ thư điện tử: c3quangla.quangninh@moet.edu.vn

- Cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của trường:
<https://thcs-thptquangla.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp

- Là đơn vị sự nghiệp công lập

- Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

- Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.
- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Mục tiêu của nhà trường: Mục tiêu chính là giáo dục phát triển phẩm chất và năng lực, theo phương thức dạy những kiến thức cơ bản, thiết thực, hiện đại, kết hợp hài hòa giữa đức, trí, thể, mỹ và chú trọng thực hành, để học sinh biết vận dụng những điều đã học vào thực tế.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường THCS&THPT Quảng La có địa chỉ tại: Thôn 5, xã Quảng La – thành phố Hạ Long – tỉnh Quảng Ninh. Trường THCS&THPT Quảng La được thành lập ngày 28/7/2006 với tên gọi đầu tiên Trường THPT Quảng La theo Quyết định số 2172/QĐ-UBND ngày 28/7/2006 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc thành lập trường trung học phổ thông Quảng La trên cơ sở trường trung học cơ sở Quảng La. Đến tháng 11/2022 đổi tên là Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Quảng La (Quyết định số 3245/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của UBND tỉnh Quảng Ninh).

Trường THCS&THPT Quảng La là ngôi trường trung học phổ thông đầu tiên được thành lập tại khu vực miền tây của huyện Hoành Bồ cũ, khu vực 4 xã miền núi Quảng La, Bằng Cả, Dân Chủ, Tân Dân với đa số là học sinh dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn.

Trong những năm qua tập thể cán bộ, giáo viên của trường luôn nỗ lực đạt nhiều thành tích đáng khích lệ, được tặng bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giấy khen của Sở GD&ĐT.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

- Hiệu trưởng: Bà Lê Thị Kim Thu, số điện thoại 0936.488.198
- Địa chỉ tại: Thôn 5, xã Quảng La – thành phố Hạ Long – tỉnh Quảng Ninh.
- Địa chỉ thư điện tử: c3quangla.quangninh@moet.edu.vn
- Địa chỉ website: <https://thcs-thptquangla.edu.vn>

7. Tổ chức bộ máy

- Quyết định thành lập trường:

Quyết định số 2172/QĐ-UBND ngày 28/7/2006 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc thành lập trường trung học phổ thông Quảng La trên cơ sở trường trung học cơ sở Quảng La

- Quyết định kiện toàn Hội đồng trường:

Quyết định số 1297/QĐ-SGDĐT ngày 30/9/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về kiện toàn Hội đồng trường THCS&THPT Quảng La nhiệm kỳ 2021- 2026.

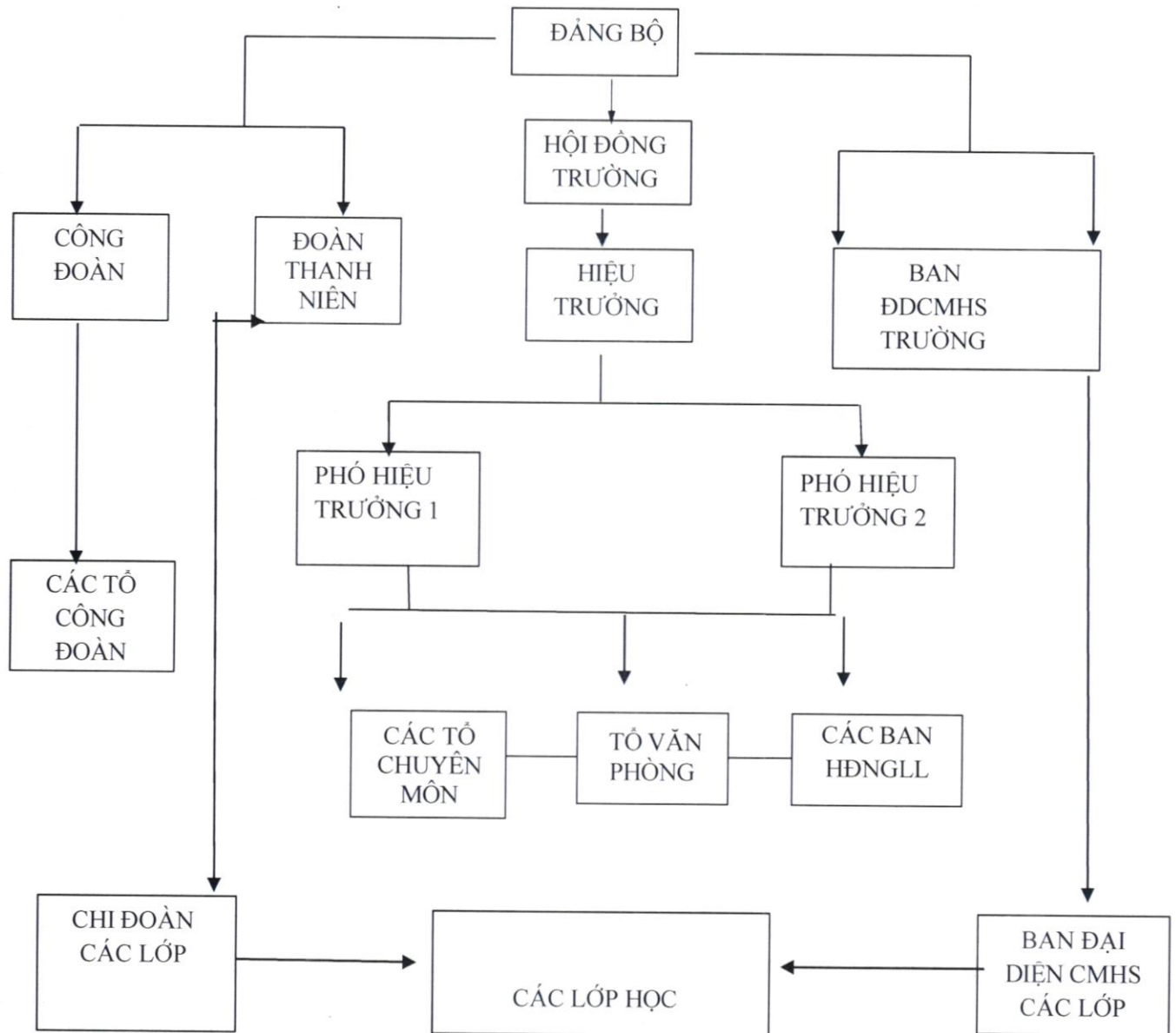
- Quyết định bổ nhiệm, công nhận Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng:

+ *Quyết định số 969/QĐ-SGDĐT ngày 10/8/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc điều động và bổ nhiệm có thời hạn bà Lê Thị Kim Thu, Phó hiệu trưởng trường THPT Hoàn Bồ, giữ chức vụ Hiệu trưởng trường THCS&THPT Quảng La.*

+ *Quyết định số 1180/QĐ-SGDĐT ngày 31/8/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc bổ nhiệm lại cán bộ quản lý đối với đồng chí Vũ Trung Tuyển -Phó hiệu trưởng trường THCS&THPT Quảng La.*

+ *Quyết định số 1683/QĐ-SGDĐT ngày 22/10/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc bổ nhiệm lại cán bộ quản lý đối với đồng chí Nguyễn Hải Long - Phó hiệu trưởng trường THCS&THPT Quảng La.*

- Sơ đồ, tổ chức bộ máy của đơn vị.



8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Quyết định số 61/QĐ-HĐT ngày 20/4/2024 của Hội đồng trường THCS&THPT Quảng La về việc Phê duyệt kế hoạch chiến lược phát triển Trường THCS&THPT Quảng La giai đoạn 2021 – 2026, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 168/QĐ-THCS&THPTQL ngày 14/10/2024 của trường THCS&THPT Quảng La về việc Ban hành Quy chế dân chủ ở cơ sở trường THCS&THPT Quảng La;
- Nghị quyết số 359/NQ-HĐT ngày 05/9/2024 Lần họp thứ nhất, năm học 2024-2025 của Hội đồng trường Trường THCS&THPT Quảng La;

- Quyết định số 167/QĐ-THCS&THPTQL ngày 14/10/2024 của trường THCS&THPT Quảng La về việc Ban hành Quy chế làm việc trường THCS&THPT Quảng La;
- Quyết định số 166/QĐ-THCS&THPTQL ngày 14/10/2024 của trường THCS&THPT Quảng La về việc Ban hành Quy chế Chuyên môn trường THCS&THPT Quảng La;
- Quyết định số 170/QĐ-THCS&THPTQL ngày 14/10/2024 của trường THCS&THPT Quảng La về việc Ban hành Quy chế Phối hợp giữa nhà trường và Công đoàn trường THCS&THPT Quảng La;
- Quyết định số 161/QĐ-THCS&THPTQL ngày 14/10/2024 của trường THCS&THPT Quảng La về việc Ban hành Quy chế Phối hợp giữa nhà trường và Hội cha mẹ học sinh trường THCS&THPT Quảng La;
- Quyết định số 171/QĐ-THCS&THPTQL ngày 14/10/2024 của trường THCS&THPT Quảng La về việc Ban hành Quy chế Phối hợp giữa nhà trường và Đoàn – Đội trường THCS&THPT Quảng La;
- Quyết định số 169/QĐ-THCS&THPTQL ngày 14/10/2024 của trường THCS&THPT Quảng La về việc Ban hành Quy chế Quản lý tài sản công trường THCS&THPT Quảng La;
- Quyết định số 165/QĐ-THCS&THPTQL ngày 14/10/2024 của trường THCS&THPT Quảng La về việc Ban hành Quy chế Phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí trường THCS&THPT Quảng La;
- Quyết định số 160/QĐ-THCS&THPTQL ngày 14/10/2024 của trường THCS&THPT Quảng La về việc Ban hành Quy chế Thi đua và khen thưởng trường THCS&THPT Quảng La;
- Quyết định số 163/QĐ-THCS&THPTQL ngày 14/10/2024 của trường THCS&THPT Quảng La về việc Ban hành Quy tắc ứng xử trường THCS&THPT Quảng La;
- Nghị quyết số 149/NQ-THCS&THPTQL ngày /10/2024 Nghị quyết Hội nghị Nhà giáo, Cán bộ quản lý và người lao động của trường THCS&THPT Quảng La.

III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Phối hợp giữa nhà trường và gia đình trên cơ sở chia sẻ thông tin hai chiều, cùng chung tay giáo dục học sinh theo mục tiêu giáo dục của nhà trường. - Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành đầy đủ nội quy nhà trường, phối hợp với bạn, thầy giáo cùng nghiên cứu bài học, hợp tác, đoàn kết trong các hoạt động giáo dục; tự học, tự nghiên cứu nội dung bài học ở nhà.						
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Hoạt động trải nghiệm, hoạt động nghiên cứu khoa học, ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp, hướng nghiệp. - Hoạt động kỹ năng thông qua các hoạt động tập thể do nhà trường tổ chức tổ chức: hoạt động kỹ năng giờ chào cờ, sinh hoạt các câu lạc bộ...						
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Năng lực: Tự chủ, tự học; giao tiếp, hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Phẩm chất: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. - Học tập:	-Năng lực: Tự chủ, tự học; giao tiếp, hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. -Phẩm chất: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. - Học tập:	- Năng lực: Tự chủ, tự học; giao tiếp, hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. -Phẩm chất: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. - Học tập:	- Năng lực: Tự chủ, tự học; giao tiếp, hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. -Phẩm chất: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. - Học tập:	- Năng lực: Tự chủ, tự học; giao tiếp, hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Phẩm chất: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. - Học tập: Hoàn thành	- Năng lực: Tự chủ, tự học; giao tiếp, hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Phẩm chất: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. - Học tập: Hoàn thành	- Năng lực: Tự chủ, tự học; giao tiếp, hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Phẩm chất: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực, nhân ái. - Học tập: Hoàn thành chương trình lớp 12,

		Hoàn thành chương trình lớp 6, được lên lớp 7. - Sức khỏe: Đạt sức khỏe quy định của học sinh THCS, đạt yêu cầu về GDTC.	Hoàn thành chương trình lớp 7, được lên lớp 8. - Sức khỏe: Đạt sức khỏe quy định của học sinh THCS, đạt yêu cầu về GDTC.	Hoàn thành chương trình lớp 8, được lên lớp 9. - Sức khỏe: Đạt sức khỏe quy định của học sinh THCS, đạt yêu cầu về GDTC.	Hoàn thành chương trình lớp 9, Đủ điểm đỗ vào lớp 10. - Sức khỏe: Đạt sức khỏe quy định của học sinh THCS, đạt yêu cầu về GDTC.	chương trình lớp 10, được lên lớp 11. - Sức khỏe: Đạt sức khỏe quy định của học sinh THPT, đạt yêu cầu về GDTC.	chương trình lớp 11, được lên lớp 12. - Sức khỏe: Đạt sức khỏe quy định của học sinh THPT, đạt yêu cầu về GDTC.	được thi và tốt nghiệp THPT; tiếp tục học Đại học cao đẳng, học nghề hoặc tham gia vào cuộc sống lao động. - Sức khỏe: Đạt sức khỏe quy định của HS THPT, đạt yêu cầu về GDTC.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Học tiếp lên lớp 7	Học tiếp lên lớp 8	Học tiếp lên lớp 8	Học tiếp lên lớp 10	Học tiếp lên 11	Học tiếp lên 12	Tiếp tục học lên, học nghề hoặc tham gia vào cuộc sống lao động.

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường năm học 2024 – 2025

Theo Mục 3, Điều 4 - Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT

(Kèm theo Quyết định số 185/QĐ-THCS&THPTQL ngày 30/10/2024 của trường THCS&THPT Quảng La)

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TCC N	Dưới TCC N	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên	41	0	3	36	0	1		27	10	0	16	20	1	0
I	Giáo viên	32		2		0			26			13	20	1	
	Trong đó số giáo viên dạy môn:														
1	Toán	6			6				4	2		2	4		
2	Lý	3		2	1				3				3		
3	Hóa	1			1				1			1			
4	Sinh	3			3				2	1		1	2		
5	Tin	1			1				1				1		
6	Văn	4			4				3	1		1	3		
7	Văn (Sử)	1			1					1				1	
8	Sử	1			1				1			1			
9	Địa	2			2				1	1			2		
10	GDCD	1			1				0	1		1			
11	Văn (GDCD)	1			1					1		1			

[illegible]



* Biểu Viên chức lãnh đạo, quản lý, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn nghề nghiệp đạt tỷ lệ sau:

Số lượng viên chức			Số lượng / loại ngạch chức danh nghề nghiệp			Tỉ lệ ngạch chức danh nghề nghiệp
Tổng số	Trong đó		Số lượng ngạch chức danh nghề nghiệp viên chức	Ngạch chức danh nghề nghiệp viên chức	Tên chức danh nghề nghiệp	
	viên chức lãnh đạo, quản lý	viên chức vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành và nghiệp vụ chuyên môn dùng chung				
(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
39	03	36	5	Giáo viên trung học phổ thông	Giáo viên THPT hạng II	05/39 (12.82%)
					Giáo viên THPT hạng III	24/39 (61.54%)
				Kế toán viên	Kế toán viên trung cấp	1/39 (2.56%)
				(Các ngạch khác)	Văn thư viên trung cấp	01/39 (2.56%)
					Nhân viên Y tế	01/39 (2.56%)
				Giáo viên trung học phổ thông	Giáo viên THCS hạng II	05/39 (12.82%)
					Giáo viên THCS hạng III	02/39 (5.13%)



THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung năm học 2024 – 2025 theo Điều 8, Chương II - Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT

(Kèm theo Quyết định số 185 /QĐ-THCS&THPTQL ngày 30/10/2024 của trường THCS&THPT Quảng La)

1. Về Cơ sở vật chất, thiết bị

	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	27	2,84 m ² /HS
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	27	2,84 m ² /HS
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	24	3,49 m ² /HS
6	Nhà đa năng	01	1 m ² /HS
7	Bình quân lớp/phòng học	18/27	0,67
8	Bình quân học sinh/lớp	45	35,4
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	27917,4	43,76 m ² /HS
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2430	3,8 m ² /HS
VI	Tổng diện tích các phòng	5026,94	7,88 m ² /HS
1	Diện tích phòng học (m ²)	1809	2,84 m ² /HS
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	2229,5	3,49 m ² /HS
3	Diện tích thư viện (m ²)	281,04	0,44 m ² /HS
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	640,4	1 m ² /HS
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn, Đội, phòng truyền thống (m ²)	67	0,1 m ² /HS
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	619	
1.1	Khối lớp 6	619	Dùng chung
1.2	Khối lớp 7	571	

1.3	Khối lớp 8	638	
1.4	Khối lớp 9	634	
	Khối THPT	1200	
1.5	Khối lớp 10	960	Dùng chung
1.6	Khối lớp 11	890	
1.7	Khối lớp 12	900	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu theo quy định	Chưa có đánh giá	
2.1	Khối lớp 6	300	
2.2	Khối lớp 7	400	
2.3	Khối lớp 8	400	
2.4	Khối lớp 9	450	
2.5	Khối lớp 10	500	
2.6	Khối lớp 11	450	
2.7	Khối lớp 12	450	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	1370,2	
VII I	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	14	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		
1	Ti vi	02	
2	Cát xét	03 (đã hỏng)	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	01	
5	Thiết bị khác ...		
6	Thiết bị âm thanh	01 bộ	

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	02	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	01	
5	Thiết bị khác ...		

6	Thiết bị âm thanh	01	
	Nội dung	Số lượng (m ²)	
X	Nhà bếp	Không có	
XI	Nhà ăn	Không có	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	04	0	8		0.3
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	

(*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGD&ĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/QĐ-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiêu chuẩn về nhà tiêu – điều kiện đảm bảo hợp vệ sinh)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

2. Danh mục sách giáo khoa năm học 2024-2025

2.1. Khối THCS:

TT	Môn	Bộ Kết nối tri thức và cuộc sống				Bộ Cánh diều				Ghi chú
		K6	K7	K8	K9	K6	K7	K8	K9	
1	Toán	x	x	x	x					
2	Khoa học tự nhiên	x	x	x	x					
3	Tin học			x	x	x	x			
4	HĐTNHN	x	x	x	x					
5	Tiếng Anh	Global Success								
6	Giáo dục thể chất					x	x	x	x	
7	Âm nhạc					x	x	x	x	
8	Mĩ Thuật					x	x	x	x	
9	Công nghệ	X (Định hướng NN & trải nghiệm NN, modul trồng cây ăn quả-lớp 9)								
10	Ngữ văn					x	x	x	x	
11	Giáo dục công dân					x	x	x	x	
12	Lịch sử và Địa lí	x	x	x	x					
13	Giáo dục địa phương	Sách địa phương tỉnh Quảng Ninh								

2.2. Khối THPT:

TT	Môn	Bộ Kết nối tri thức và cuộc sống			Bộ Cánh diều			Ghi chú
		K10	K11	K12	K10	K11	K12	
1	Toán	x	x	x				
2	Ngữ văn				x	x	x	
3	Tiếng Anh	Global Success						
4	Lịch sử				x	x	x	

TT	Môn	Bộ Kết nối tri thức và cuộc sống			Bộ Cánh diều			Ghi chú
5	GDQPAN	x	x	x				
6	HĐTNHN	x	x	x				
7	Giáo dục thể chất				x	x	x	Cầu lông
8	Giáo dục địa phương	Sách địa phương tỉnh Quảng Ninh						
9	Địa lí	A1, A3	A1, A3	A2, A3				
10	Giáo dục Kinh tế & Pháp luật	A1, A2	A2, A3	A1, A3				
11	Hóa học	A1, A2	A1, A2	A1, A2				
12	Sinh học	A2, A3	A2	A2, A3				
13	Vật lí	A1	A1	A1				
14	Công nghệ chăn nuôi		A3					
15	Công nghệ trồng trọt	A3						
16	Tin học	A2, A3	A1, A2	A2				
17	Mĩ thuật (<i>Hội họa; Thiết kế đồ họa; Thiết kế kĩ thuật đa phương tiện; Thiết kế thời trang</i>)		A3	A1, A3				
18	Chuyên đề Toán	x	x	A1, A2				
19	Chuyên đề Ngữ Văn				x	x	A1, A3	
20	Chuyên đề Địa lí	A3		A3				
21	Chuyên đề Lịch sử					x	A3	
22	Chuyên đề Vật lí	A1						
23	Chuyên đề Sinh học	A2		A2				
24	Chuyên đề Hóa học			A1, A2				



Hạ Long, ngày 30 tháng 10 năm 2024

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về Kế hoạch hoạt động năm học 2024 – 2025 và kết quả giáo dục năm học 2023 – 2024 theo Điều 9, Chương II - Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT

(Kèm theo Quyết định số 185/QĐ-THCS&THPTQL ngày 30 /10/2024 của trường THCS&THPT Quảng La)

1. Kế hoạch hoạt động giáo dục

- Thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh; được Sở Giáo dục và Đào tạo cho phép Hiệu trưởng duyệt kế hoạch giáo dục các bộ môn.

- Điều kiện tuyển sinh:

+ Học sinh tốt nghiệp THCS, trong độ tuổi tuyển sinh vào lớp 10 theo Quyết định phân vùng và chỉ tiêu tuyển sinh của UBND thành phố Hạ Long.

+ Tham gia kì thi tuyển sinh lớp 10 THPT do Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh tổ chức và phải đạt điểm chuẩn vào trường.

+ Học sinh chuyển trường phải đầy đủ hồ sơ theo quy định.

- Nhà trường và gia đình có quy chế phối hợp chặt chẽ trong việc quản lí, giáo dục toàn diện học sinh. Duy trì thường xuyên thông tin liên lạc hai chiều giữa nhà trường và gia đình. Hoạt động Ban đại diện CMHS đúng văn bản chỉ đạo hiện hành. Ban đại diện CMHS học sinh trường, lớp họp 3 lần/năm. Ban đại diện trường, lớp có đủ thành phần, cơ cấu theo quy định.

- Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành đầy đủ nội quy nhà trường. Mọi học sinh phải thực hiện tốt nội quy, quy định trong Điều lệ trường THPT, học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

- Nhà trường đảm bảo đủ phòng học, bàn ghế thiết bị dạy học 1 ca/ ngày.

- Phòng học được trang bị đầy đủ: bảng, ánh sáng, quạt, thoáng mát, trong mỗi lớp có hệ thống âm thanh, camera để quản lý việc học tập và nề nếp học sinh.

- Được trang bị cơ sở vật chất theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Học sinh tham gia hoạt động Đoàn, hoạt động Hội thanh niên, được tham gia vào các hoạt động truyền thống, các hoạt động xã hội.

- Được tham gia các phong trào VHVN-TDĐT. Được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ các nguồn đóng góp, Ban đại diện CMHS, kinh phí nhà trường.

- Tổ chức hoạt động ngoại khóa nhân các ngày lễ lớn trong năm (20/11, 22/12, 26/3, 19/5,...).

- Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực, cảnh quang môi trường sư phạm mẫu mực (xanh, sạch, đẹp).

- Hưởng ứng và tham gia các phong trào hội thi do Ngành và trường phát động (học sinh giỏi, hội khỏe Phù đồng,...).

- Nhà trường đã ban hành các kế hoạch giáo dục năm học 2024-2025 như sau: (có danh mục các kế hoạch kèm theo).

2. Kết quả hoạt động giáo dục

2.1. Thành tích phong trào học tập

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp						
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	635	88	63	59	58	137	116	114
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	456 (71.81%)	66 (75%)	44 (69.84%)	36 (61.02%)	43 (74.14%)	97 (70.8%)	84 (72.41%)	86 (75.44%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	141 (22.2%)	22 (25%)	14 (22.22%)	20 (33.9%)	10 (17.24%)	28 (20.44%)	20 (17.24%)	27 (23.68%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	34 (5.35%)	0 (0%)	5 (7.94%)	2 (3.39%)	5 (8.62%)	10 (7.3%)	11 (9.48%)	1 (0.88%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	4 (0.63%)	0 (0%)	0 (0%)	1 (1.69%)	0 (0%)	2 (1.46%)	1 (0.86%)	0 (0%)
II	Số học sinh chia theo học lực	631	88	62	58	56	137	116	114
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	109 (17.27%)	16 (18.18%)	9 (14.29%)	6 (10.17%)	14 (24.14%)	25 (18.25%)	15 (12.93%)	24 (21.05%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	258 (40.89%)	27 (30.68%)	23 (36.51%)	18 (30.51%)	26 (44.83%)	49 (35.77%)	53 (45.69%)	62 (54.39%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	248 (39.3%)	42 (47.73%)	27 (42.86%)	30 (50.85%)	16 (27.59%)	57 (41.61%)	48 (41.38%)	28 (24.56%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	16 (2.54%)	3 (3.41%)	3 (4.76%)	4 (6.78%)	0 (0%)	6 (4.38%)	0 (0%)	0 (0%)
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
III	Tổng hợp kết quả cuối năm								
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	445 (96.1%)	85 (96.6%)	60 (95.2%)	55 (93.2%)		130 (95%)	115 (99%)	

a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	109 (17.27%)	16 (18.18%)	9 (14.29%)	6 (10.17%)	14 (24.14%)	25 (18.25%)	15 (12.93%)	24 (21.05%)
b	Học sinh tiên tiến đối với K9,12 hoặc học sinh khá đối với khối còn lại (tỷ lệ so với tổng số)	258 (40.89%)	27 (30.68%)	23 (36.51%)	18 (30.51%)	26 (44.83%)	49 (35.77%)	53 (45.69%)	62 (54.39%)
2	Thi lại, rèn luyện lại (tỷ lệ so với tổng số)	16 (2.5%)	3 (3.4%)	3 (4.8%)	3 (5.1%)	0 (0%)	6 (4.4%)	1 (0.9%)	0 (0%)
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	2 (0.3%)			1 (1.7%)		1 (0.7%)		
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	4/4	2 (2.3%)	1 (1.6%)	2 (3.4%)	1 (1.7%)	2 (1.5%)		
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	6 (0.94%)		1 (1.6%)				2 (1.7%)	3 (2.7%)
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	35			7	17	1	2	8
1	Cấp thành phố	17			5	12			
2	Cấp tỉnh	18			2	5	1	2	8
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	114				58			114
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	171				58 (100%)			113 (99.1%)
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	40 (35%)							40 (35%)

Chất lượng xếp loại hai mặt giáo dục học sinh phát triển. Số học sinh có học lực khá, giỏi tăng so với các năm học trước, học sinh đoàn kết, hăng hái tham gia các hoạt động học tập và giáo dục, ngoại khóa của nhà trường.

2.2. Chất lượng giáo dục mũi nhọn:

- Tham gia hội thi cấp thành phố đạt nhiều thành tích.

+ Thi chọn HSG các môn văn hóa: 17/19 học sinh tham gia đạt giải- 89,5% đứng đầu bảng B (Môn GDCD 05 giải: 1 nhất, 2 nhì, 2 khuyến khích; Môn Lịch sử 06 giải: 1 nhất, 2 nhì, 3 giải ba; Môn Sinh học: 02 giải khuyến khích; Môn Địa lí 04 giải: 1 nhì, 2 ba, 1 khuyến khích.

+ Nghiên cứu khoa học: Đạt 1 giải tư.

+ Giải Đầy gậy: 07 HS đạt giải (Nhất: 05; Nhì: 02).

+ Giải Võ cổ truyền: 04 HS đạt giải (Nhì: 01; Ba: 03).

+ Giải Võ Vívonam: 01 HS đạt giải (Ba: 01).

- Tham gia hội thi cấp tỉnh: Chất lượng và tỉ lệ học sinh tham gia đạt giải cao hơn năm học 2022 – 2023.

Năm học	Học sinh giỏi cấp Tỉnh				
	Tổng số	Giải Nhất	Giải Nhì	Giải Ba	Giải KK
2022 - 2023	19	0	03	11	05
2023-2024	18	0	04	7	7

Khối THPT: 11/18 học sinh tham gia – 61,11% học sinh đạt giải (Môn Ngữ văn: 1 nhì; Môn Lịch sử: 2 nhì, 1 ba, 2 khuyến khích; Môn Địa lí: 1 ba, 2 khuyến khích; Môn GDCD: 1 nhì, 1 ba)

Khối THCS: 07 học sinh đạt giải (Môn Lịch sử: 2 ba, 1 khuyến khích; Môn Địa lí: 1 ba, 2 khuyến khích; Môn GDCD: 1 ba; Sinh 1kk).

+ Giải Võ Vívonam: 05 HS đạt giải (Ba: 05)

+ Giải Đầy gậy: 03 HS đạt giải (Ba: 03)

2.3. Chất lượng thi TN THPT:

Học sinh đỗ tốt nghiệp 12 đạt 100,0%: 113/113. Chất lượng thi TN THPT năm 2024 điểm bình quân đạt 6,33 tăng 0,53 điểm so với năm 2023 (5,8 điểm) vượt chỉ tiêu đưa ra tại hội nghị NG, CBQL, NLĐ năm học 2023-2024.

2.4. Tổ chức nhiều hoạt động có ý nghĩa, tạo sân chơi bổ ích cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

- Tích cực làm tốt công tác phối hợp với gia đình học sinh, đã tổ chức 3 hội nghị Cha mẹ học sinh vào đầu năm học và kết thúc kỳ I, học kỳ 2, các ý kiến của Cha mẹ học sinh đều thống nhất cao với chủ trương của nhà trường trong công tác giáo dục.

- Tổ chức nhiều đợt tuyên dương khen thưởng cho giáo viên và học sinh đạt thành tích cao trong giảng dạy, học tập: Tuyên dương khen thưởng cho 30 học sinh đạt giải trong kỳ thi văn hóa và đạt giải TDTT cấp thành phố, 26 học sinh đạt giải trong kỳ thi văn hóa và đạt giải TDTT cấp tỉnh; khen thưởng cho 05 học sinh xuất sắc (02THCS và 03THPT), 103 (THCS: 42; THPT: 61) học sinh giỏi có nhiều thành tích trong học tập và các cuộc thi tuyên truyền.

- Tổ chức kỷ niệm 41 năm ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11/1982-20/11/2023) được PHHS, HS và toàn xã hội trân trọng.

- Tổ chức các hoạt động lồng ghép “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống cho thanh thiếu niên” qua các buổi sinh hoạt dưới cờ đầu tuần và các hoạt động ngoại khóa.

2.5. Về phong trào TDTT, VHVN

Không chỉ có môi trường học tập tốt mà trường THCS&THPT Quảng La còn rèn luyện cho các em học sinh một cách toàn diện đức, trí, thể, mỹ thông qua các hoạt động, phong trào, các hoạt động ngoại khóa, công tác xã hội. Học tập tại trường các em đã được tham gia các hoạt động sau:

- Hội khỏe Phù Đổng cấp trường vào tháng 03/2024.

- Triển khai đầy đủ các nội dung trong phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện học sinh tích cực”.

- Tổ chức các chuyên đề tuyên truyền ngày Phụ nữ Việt Nam vào ngày 20/10/2023, chuyên đề về ngày nhà giáo Việt Nam vào 20/11/2023, tổ chức Hội thao quốc phòng an ninh vào tháng 4/2024.

- Tổ chức Hoạt động trải nghiệm cho học sinh các khối lớp: 6,7,8 trải nghiệm Thiên đường Hoa; 12 ở Bảo tàng và Thư viện tỉnh; khối 10,11 khuyến khích tham gia Hội làng Bằng Cả.

- Tổ chức các hoạt động tập thể có tính giáo dục cao: Khai giảng năm học mới 05/9/2023; Tổ chức các hoạt động chào mừng Lễ gắn biển trường học mới tháng 10/2023; Tổ chức thành công HKPD cấp trường; Thi đua chào mừng 41 năm ngày nhà giáo Việt Nam; Tổ chức kết nạp được 65 Đoàn viên tại khu di tích lịch sử Khe Cả xã Sơn Dương; Tổ chức thành công cuộc thi ATGT cho nụ cười ngày mai cho khối 10 và khối 11; Tổ chức thực hiện tuyên truyền ATGT tới toàn thể cán bộ GV cũng như học sinh toàn trường dưới hình thức sân khấu hóa; Tổ chức thực hiện kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Thành Phố Hạ Long tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh toàn trường dưới hình thức sân khấu hóa; Tổ chức chương trình “Xuân gắn kết, Tết yêu thương” mời phụ huynh học sinh, nhân dân và các trường trên địa bàn cùng tham gia (trường TH&THCS

Dân Chủ- Quảng La, trường TH&THCS Bằng Cả, TH&THCS Tân Dân); Tổ chức Chương trình tuyên truyền, trải nghiệm, thực hành chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong nhà trường do Công an Thành phố Hạ Long phối hợp tổ chức; Tổ chức chào mừng 93 năm thành lập đoàn TNCS HCM; Tổ chức chuyên đề Ngày hội sách và Stem biển đảo năm 2024; Tổng kết năm học, Lễ trưởng thành cho học sinh khối 9, 12....

SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH
TRƯỜNG THCS&THPT QUẢNG LA



THÔNG BÁO

**Công khai thông tin đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên
năm học 2024-2025 và 05 năm tiếp theo**

(Kèm theo Quyết định số 185 /QĐ-THCS&THPTQL ngày 30 /10/2024 của trường THCS&THPT Quảng La)

Năm học	Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên đăng ký đào tạo, bồi dưỡng	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Trình độ	Thời gian
2024-2025	01	Đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý	Lý luận chính trị	Cao cấp	
	01	Nâng cao trình độ chuyên môn	Nghiệp vụ chuyên môn thư viện	Đại học	
2025-2026	01	Đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý	Lý luận chính trị	Cao cấp	
	02	Đào tạo, bồi dưỡng trình độ trên chuẩn	Chuyên môn	Thạc sĩ	
2026-2027	03	Đào tạo, bồi dưỡng trình độ trên chuẩn	Chuyên môn	Thạc sĩ	
2027-2028	03	Đào tạo, bồi dưỡng trình độ trên chuẩn	Chuyên môn	Thạc sĩ	
2028-2029	02	Đào tạo, bồi dưỡng trình độ trên chuẩn	Chuyên môn	Thạc sĩ	
2029-2030	06	Đào tạo, bồi dưỡng trình độ trên chuẩn	Chuyên môn	Thạc sĩ	